TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 6 – AN GIANG **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20/04/2026
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tám

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – An Giang: Ông Phạm Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2026/QĐXX-TA ngày 10 tháng 03 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/03/2026 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Kim N, sinh năm 1982 Có mặt

Địa chỉ: B ấp A, xã T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng Â, sinh năm 1981 Vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/10/2025 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Tạ Thị Kim N trình bày:

Tôi và ông Lê Hoàng Â tự tìm hiểu yêu thương nhau cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2015 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ

chồng không hợp nhau, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tôi xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, nên tôi yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng Â

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi chưa có con chung.

Về tài sản, nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ chúng tôi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay ông Lê Hoàng Â không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Tạ Thị Kim N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Lê Hoàng Â. Đây là tranh chấp việc ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Ông Lê Hoàng Â đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Hoàng Â là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về hôn nhân:* Ông Lê Hoàng Â và bà Tạ Thị Kim N tự tìm hiểu yêu thương nhau rồi đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2015 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu tương đối hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau từ đó ông Â, bà N sống ly thân cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Â và bà N là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra ông, bà phải tạo điều kiện góp ý, sửa chữa sai lầm khuyết điểm để hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng ở đây ông Â, bà N không làm được điều đó, mà lại sống ly thân nhau làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghĩ nên cho bà N được ly hôn với ông Â là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:* Vợ chồng ông Â và bà N chưa có con chung.

[5]. *Về tài sản chung, nợ:* Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai, không ai nợ chúng tôi, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Thẩm phán – Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà Tạ Thị Kim N đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Hoàng Â vắng mặt tại phiên tòa,không lý do, Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn. Cho bà N được ly hôn với ông Â. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử, không xem xét. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn:* Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Tạ Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ tiền án phí tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007643 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Tạ Thị Kim N không phải nộp thêm. Ông Lê Hoàng Â không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị Kim N.

[**1**] Cho bà Tạ Thị Kim N được ly hôn với ông Lê Hoàng Â.

[**2]** Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

[3]. *Về tài sản chung, nợ:* Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai, không ai nợ chúng tôi, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Tạ Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ tiền án phí tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007643 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Tạ Thị Kim N không phải nộp thêm. Ông Lê Hoàng Â không phải nộp án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Hoàng Â vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;*
- *Viện kiểm sát ND Khu vực 6*
- *Phòng Thi hành án DS Khu vực 6;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn T, Huỳnh Phước Tỷ Nguyễn Tấn L

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;*
- *Viện kiểm sát ND Khu vực 6*
- *Phòng Thi hành án DS Khu vực 6;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn L

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Tấn Đ; Nguyễn Hoàng Hổ Nguyễn Tấn L1

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA